

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Khen thưởng của tổ chức Công đoàn

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thi đua - Khen thưởng năm 2003, Luật Sửa đổi bổ sung một điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;
- Căn cứ Luật Công đoàn năm 2012 và Điều lệ Công đoàn Việt Nam (khoá XI);
- Xét đề nghị của Ban Chính sách kinh tế xã hội và Thi đua khen thưởng Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy chế Khen thưởng của tổ chức Công đoàn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 777 QĐ/TLĐ ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 3. Cán bộ, đoàn viên Công đoàn và các cấp Công đoàn, các Ban và đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Đoàn Chủ tịch TLĐ;
- Các LĐLĐ tỉnh, TP; CĐ ngành TW;
CĐ Tổng CT và các Ban, đơn vị trực thuộc TLĐ;
- Đồng kính gửi:
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Lưu VT.



QUY CHẾ
KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1564/QĐ- TLD ngày 24 tháng 12 năm 2014)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn hình thức khen thưởng của tổ chức Công đoàn; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc hệ thống Công đoàn; Hội đồng Thi đua- Khen thưởng các cấp; thẩm quyền quyết định, thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng; Quỹ Thi đua, khen thưởng và quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng với tất cả cán bộ, đoàn viên Công đoàn; cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, lao động và tổ chức Công đoàn các cấp; cá nhân, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và người có công lao, đóng góp xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ để xét khen thưởng

1. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn thì được khen thưởng với mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cho cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, sản xuất, công tác.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

3. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

4. Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế- xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

5. Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

6. Đối với cá nhân trong một năm chỉ được đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

7. Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn chỉ khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc sự quản lý trực tiếp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố khi tiến hành phát động thi đua theo chuyên đề. Không khen thưởng thường xuyên hàng năm cho tập thể, cá nhân thuộc sự quản lý trực tiếp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 4. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua của Công đoàn

1.1 Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: “Đoàn viên công đoàn xuất sắc”.

1.2 Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

a) “Cờ thi đua Tổng Liên đoàn”;

b) “Cờ thi đua Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương”;

c) “Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc”; “Ngh nghiệp đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc” (gọi chung là “Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc”).

d) “Tổ Công đoàn xuất sắc”, “Tổ Nghiệp đoàn xuất sắc”, “Công đoàn bộ phận xuất sắc”, “Ngh nghiệp đoàn bộ phận xuất sắc” (gọi chung là “Tổ Công đoàn xuất sắc”).

2. Danh hiệu vinh dự, danh hiệu thi đua của Nhà nước áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng trong tổ chức Công đoàn.

2.1. Danh hiệu vinh dự Nhà nước: “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Anh hùng Lao động”;

2.2. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

a) “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

b) “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn”.

c) “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

d) “Lao động tiên tiến”.

2.3. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

a) “Cờ thi đua của Chính phủ”.

b) “Tập thể lao động xuất sắc”.

c) “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 5. Các hình thức khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng của tổ chức Công đoàn gồm có:

1.1. Bằng khen Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn;

1.2. Bằng khen Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương;

1.3. Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn;

1.4. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”;

1.5. Giấy khen Ban Chấp hành Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, Giám đốc các doanh nghiệp Công đoàn;

1.6. “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” của Tổng Liên đoàn;

1.7. Giải thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

2. Hình thức khen thưởng của Nhà nước áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng trong tổ chức Công đoàn.

2.1. Huân chương;

2.2. Huy chương;

2.3. Bằng khen;

2.4. Giấy khen.

Chương III KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Mục 1 ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Danh hiệu đoàn viên Công đoàn xuất sắc

Danh hiệu đoàn viên Công đoàn xuất sắc xét tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn sau:

1. Thực hiện tốt các nhiệm vụ của đoàn viên quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

2. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn được giao (đúng kế hoạch, đạt chất lượng, được lãnh đạo đơn vị ghi nhận);

3. Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, đơn vị;

4. Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 7. Danh hiệu “Tổ Công đoàn xuất sắc”

Danh hiệu “Tổ Công đoàn xuất sắc” xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được Công đoàn giao;
2. Tích cực tham gia các phong trào thi đua do Công đoàn phát động.
3. Thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động;
4. Giữ vững sinh hoạt, nội bộ đoàn kết, giúp nhau khi gặp khó khăn; không có đoàn viên vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Công đoàn, cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Danh hiệu “Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc”

Danh hiệu “Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc” xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm; được bình chọn đơn vị dẫn đầu hoặc xuất sắc trong số các tập thể được đánh giá xếp loại Công đoàn cơ sở vững mạnh;
2. Bảo đảm thu, chi, quản lý tài chính Công đoàn đúng quy định của Nhà nước và của Công đoàn;
3. Giữ vững sinh hoạt, nội bộ đoàn kết; không có đoàn viên vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Công đoàn, cơ quan, đơn vị.

Điều 9. Danh hiệu “Cờ thi đua Tổng Liên đoàn ”

1. “Cờ thi đua Tổng Liên đoàn” xét tặng cho Công đoàn cơ sở có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những Công đoàn cơ sở đạt danh hiệu “Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc”; số Công đoàn cơ sở được đề nghị tặng “Cờ thi đua Tổng Liên đoàn” không quá 15% tổng số Công đoàn cơ sở được tặng “Cờ thi đua Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương”.

2. “Cờ thi đua Tổng Liên đoàn” xét tặng cho Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có thành tích xuất sắc, được bình chọn suy tôn dẫn đầu các cụm, khối thi đua Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở do Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn tổ chức.

Tổng số Cờ thi đua Tổng Liên đoàn xét tặng cho Công đoàn cơ sở, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở không quá 20% tổng số Công đoàn cơ sở và Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở được tặng “Cờ thi đua Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương”.

3. “Cờ thi đua Tổng Liên đoàn” xét tặng cho Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn đạt các tiêu chuẩn sau:

3.1. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; được bình chọn suy tôn dẫn đầu hoặc xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức.

3.2. Thực hiện thu kinh phí Công đoàn và nộp ngân sách Công đoàn đầy đủ theo quy định của Tổng Liên đoàn;

3.3. Thực hiện tốt công tác xây dựng và nhân điển hình tiên tiến, có cá nhân được tặng Bằng Lao động sáng tạo;

Điều 10. “Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn”.

1. Các chuyên đề xét khen thưởng cờ thi đua hàng năm của Tổng Liên đoàn gồm:

Chuyên đề "Xanh - sạch - đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động", "Văn hoá, Thể thao" và "Giỏi việc nước, Đảm việc nhà".

2. Đối tượng được xét tặng “Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn” hàng năm gồm: Công đoàn cơ sở; Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

3. Tiêu chuẩn xét khen thưởng “Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn” do các ban nghiệp vụ theo dõi chuyên đề xây dựng trình Đoàn Chủ tịch ban hành.

4. Số lượng “Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn” xét tặng hàng năm:

Mỗi Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn được đề nghị xét tặng không quá 01 cờ; riêng đối với Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn có từ 1.800 Công đoàn cơ sở trở lên được đề nghị xét tặng không quá 02 cờ, nhưng tổng số cờ trong một năm không quá 50 cờ cho một chuyên đề.

5. Các chuyên đề khác chỉ xét tặng cờ khi tiến hành Hội nghị tổng kết chuyên đề theo kế hoạch tổng kết của Tổng Liên đoàn.

Điều 11. “Cờ thi đua Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương”

“Cờ thi đua Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương” xét tặng cho Công đoàn cơ sở và Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác được Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn công nhận.

Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua do Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn tổ chức phát động.

Mục 2
ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN
XÉT TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 12. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”

Ban Tổ chức Tổng Liên đoàn xây dựng quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn” trình Đoàn Chủ tịch ban hành.

Điều 13. Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

1. Bằng khen Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xét tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn sau:

1.1. Hai năm liên tục (tính cả năm đề nghị khen thưởng) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 2 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

1.2. Năm trước thời điểm đề nghị Bằng khen Tổng Liên đoàn đã được tặng bằng khen Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương.

2. Bằng khen Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xét tặng cho công nhân, lao động đạt tiêu chuẩn sau:

Hai năm liên tục (tính cả năm đề nghị khen thưởng) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đã được tặng giấy khen của Công đoàn hoặc được tặng 1 Bằng Lao động sáng tạo.

3. Bằng khen Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xét tặng cho tập thể từ Công đoàn cơ sở trở lên đạt tiêu chuẩn sau:

3.1. Chấp hành tốt Điều lệ, Nghị quyết của Công đoàn; chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết;

3.2. Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (tính cả năm đề nghị khen thưởng); tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đoàn viên.

3.3. Năm trước thời điểm đề nghị tặng Bằng khen Tổng Liên đoàn đã được tặng Bằng khen Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn Ngành Trung ương và năm đề nghị khen thưởng, tập thể Công đoàn được đánh giá chất lượng hoạt động Công đoàn xếp loại vững mạnh.

4. Số lượng Bằng khen Tổng Liên đoàn xét tặng hàng năm.

Số lượng Bằng khen Tổng Liên đoàn xét tặng hàng năm cho tập thể (gồm Công đoàn cơ sở và Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở) không quá 01% tổng số Công đoàn cơ sở thuộc Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn;

Số lượng Bằng khen Tổng Liên đoàn xét tặng cho cá nhân không quá 0,02% tổng số đoàn viên Công đoàn thuộc Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

Điều 14. Bằng khen chuyên đề của Tổng Liên đoàn

1. Các chuyên đề được xét tặng Bằng khen hàng năm gồm:

Chuyên đề "Xanh- sạch- đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động", "Văn hoá, Thể thao" và "Giỏi việc nước, Đảm việc nhà".

2. Đối tượng được xét tặng bằng khen chuyên đề hàng năm gồm: Tập thể là Công đoàn cơ sở, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và cá nhân thuộc các đơn vị này.

3. Tiêu chuẩn xét tặng bằng khen chuyên đề do các ban theo dõi chuyên đề thuộc Tổng Liên đoàn xây dựng trình Đoàn Chủ tịch ban hành.

4. Số lượng bằng khen chuyên đề xét tặng hàng năm.

Tổng Liên đoàn xét bằng khen cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong số các tập thể, cá nhân được các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn đề nghị, nhưng tổng số bằng khen trong một năm không quá 300 bằng khen cho một chuyên đề. Số lượng, tập thể, cá nhân đề các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn được đề nghị để Tổng Liên đoàn xét tặng bằng khen như sau:

Mỗi Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn được đề nghị xét tặng không quá 04 bằng khen; riêng đối với Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn có từ 100.000 đoàn viên trở lên được đề nghị xét tặng không quá 06 bằng khen, nhưng tổng số bằng khen trong một năm không quá 300 bằng khen cho một chuyên đề.

5. Các chuyên đề khác chỉ xét tặng bằng khen khi tiến hành Hội nghị tổng kết chuyên đề theo kế hoạch tổng kết của Tổng Liên đoàn.

Điều 15. Bằng khen Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương

1. Bằng khen Ban Chấp hành Liên đoàn tỉnh, thành phố, Công đoàn Ngành Trung ương xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1.1. Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn, là gương tốt trong công nhân, viên chức, lao động của ngành, địa phương.

1.2. Hai năm liên tục (tính cả năm đề nghị khen thưởng) hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt danh hiệu đoàn viên Công đoàn xuất sắc; đã được tặng giấy khen của Công đoàn.

2. Bằng khen Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương xét tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

2.1. Đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn do Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn tổ chức;

2.2. Năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng đã được tặng Giấy khen và năm đề nghị khen thưởng, tập thể Công đoàn được đánh giá chất lượng hoạt động Công đoàn xếp loại vững mạnh trở lên.

Điều 16. Bằng Lao động sáng tạo

Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được xét tặng hàng năm cho cá nhân là đoàn viên Công đoàn thực hiện tốt các nhiệm vụ của đoàn viên và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Có đề tài khoa học cấp cơ sở, sáng kiến (gọi tắt là giải pháp) được ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, được cấp có thẩm quyền công nhận và giá trị làm lợi tính theo từng đối tượng cụ thể sau:

1.1. Đối với đoàn viên là công nhân, viên chức, lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở xuống, không giữ chức vụ lãnh đạo, có từ 1 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 80 triệu đồng trở lên hoặc 3 năm liên tục có giải pháp, sáng kiến với tổng giá trị làm lợi từ 120 triệu đồng trở lên;

1.2. Đối với đoàn viên là cán bộ, công chức, viên chức, lao động có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên, không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, có từ 1 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 150 triệu đồng trở lên;

1.3. Đối với đoàn viên là cán bộ lãnh đạo quản lý (Trưởng, phó cấp cơ sở trở lên) có từ 1 giải pháp trở lên với tổng giá trị làm lợi từ 200 triệu đồng trở lên hoặc có giải pháp cải tiến quản lý về tổ chức sản xuất áp dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao được cấp tỉnh, bộ, ngành Trung ương công nhận.

2. Có đề tài khoa học hoặc sáng kiến cấp tỉnh, bộ, ngành trung ương hoặc cấp Nhà nước nghiệm thu đánh giá xuất sắc và đề tài khoa học, sáng kiến đó được ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, được thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi ứng dụng đề tài khoa học, sáng kiến đó xác nhận.

Đối với đề tài lớn phải nghiên cứu nhiều năm hoặc phải chia làm nhiều đề tài nhánh, nếu đề tài nhánh được nghiệm thu đạt kết quả xuất sắc và mức độ đóng góp trên 30% cho đề tài lớn thì tác giả là chủ nhiệm đề tài nhánh cũng được xem xét đề nghị khen thưởng.

3. Có giải pháp công nghệ dự thi tại các cuộc thi khu vực và quốc tế, hội thi quốc gia hoặc hội thi cấp tỉnh, bộ, ngành Trung ương và đạt giải nhất, nhì, ba hoặc giải A, B, C trong các hội thi đó.

Điều 17. Giải thưởng

1. “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh” của Tổng Liên đoàn.

1.1. Đối tượng để xét tặng:

a) Công nhân đang trực tiếp lao động, sản xuất; kỹ sư, kỹ thuật viên trực tiếp sản xuất hoặc điều hành sản xuất trong các doanh nghiệp, đơn vị thuộc các

thành phần kinh tế có tổ chức Công đoàn (bao gồm: Tổ trưởng, đội trưởng sản xuất, trưởng xưởng).

b) Là đoàn viên Công đoàn, có thời gian làm việc tại doanh nghiệp, đơn vị từ 5 năm trở lên.

1.2. Tiêu chuẩn để xét tặng “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh”.

a) Có Bằng Lao động sáng tạo, hoặc sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học áp dụng trong sản xuất, kinh doanh, công tác mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong các hội thi tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ cấp tỉnh, thành phố, ngành Trung ương, cấp quốc gia và quốc tế.

b) Có nhiều đóng góp trong việc đào tạo, kèm cặp, bồi dưỡng giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Đã được tặng các danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng các cấp.

Tổng Liên đoàn quy định tiêu chuẩn cụ thể phù hợp khi xây dựng kế hoạch trao giải “Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh”.

2. Tên giải thưởng và tiêu chuẩn xét tặng giải thưởng của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn do Ban Thường vụ các đơn vị này quy định và phải được đăng ký với Tổng Liên đoàn.

Điều 18. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau :

1.1. Hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của đoàn viên quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

1.2. Là điển hình tiêu biểu của cơ quan, đơn vị, Công đoàn ngành cấp tỉnh, Liên đoàn lao động cấp huyện và tương đương.

2. Giấy khen để tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

2.1. Hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của Công đoàn được quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

2.2. Là tập thể tiêu biểu của cơ quan, đơn vị, Công đoàn ngành cấp tỉnh, Liên đoàn lao động cấp huyện và tương đương.

Chương IV

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA NHÀ NƯỚC ÁP DỤNG BÌNH XÉT KHEN THƯỞNG VÀ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG TRONG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Điều 19. Đối tượng áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước trong tổ chức Công đoàn

1. Cá nhân:

Cán bộ, công chức, viên chức, lao động làm việc trong cơ quan Công đoàn bao gồm: Cơ quan Tổng Liên đoàn; Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn; Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh và tương đương; Cán bộ, viên chức, công nhân, lao động làm việc trong các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức Công đoàn.

2. Tập thể:

Các cơ quan Công đoàn bao gồm: Các ban, đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn; các ban, đơn vị trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn;

Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh và tương đương.

Việc bình xét, công nhận các danh hiệu thi đua đối với tập thể và cán bộ Công đoàn chuyên trách của Công đoàn cơ sở, cấp trên trực tiếp cơ sở (Công ty, Tổng công ty hoặc tương đương) thực hiện cùng với công nhân, viên chức, lao động trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, giám đốc doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

Điều 20. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn”, trong đó có 6 năm liên tục đạt chiến sĩ thi đua cơ sở.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải đạt hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc và được Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương xem xét, công nhận, đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đó.

3. Thời điểm xét phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn” lần thứ hai.

Điều 21. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, được lựa chọn trong số những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn” phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng tích cực trong hoạt động Công đoàn ở Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng

Liên đoàn có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đó.

Điều 22. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1.1. Là "Lao động tiên tiến";

1.2. Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng và được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

4. Tỷ lệ cá nhân được xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" của cơ quan, đơn vị cơ sở.

Điều 23 . Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến".

1.1. Cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của Công đoàn, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

1.2. Công nhân, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động Công đoàn;

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của Công đoàn; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

2. Thời gian để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

2.1. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2.2. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên, thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2.3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Đối với cá nhân chuyên công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì được xem xét bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

4. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho trường hợp mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 24 . "Danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ"

Tổng Liên đoàn xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" cho tập thể đạt tiêu chuẩn sau:

1. Lập được thành tích tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu cụm, khối thi đua do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức. Số lượng tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" không quá 20% tổng số tập thể được tặng Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn;

2. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các qui định của tổ chức Công đoàn.

Điều 25. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

1. Các tập thể được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

1.1. Các Ban, phòng và tương đương thuộc Cơ quan Tổng Liên đoàn;

1.2. Các ban thuộc Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn; Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn Tổng công ty, Công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất...

1.3. Các đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức Công đoàn như: Trường học, Viện nghiên cứu, Nhà xuất bản, Báo, Tạp chí, Nhà khách, Nhà văn hoá... và các tập thể trực thuộc đơn vị sự nghiệp như khoa, phòng...

1.4. Các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc tổ chức Công đoàn và các phòng, phân xưởng, tổ, đội thuộc các đơn vị sản xuất kinh doanh của Công đoàn.

2. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

2.1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước và Công đoàn;

2.2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

2.3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

2.4. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

2.5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các qui định của tổ chức Công đoàn.

Điều 26. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các qui định của tổ chức Công đoàn.

Điều 27. Tổng Liên đoàn xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu Anh hùng lao động... cho các tập thể, cá nhân được thực hiện theo tiêu chuẩn quy định tại Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản dẫn thi hành Luật thi đua, khen thưởng.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA- KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 28. Hội đồng Thi đua- Khen thưởng Tổng Liên đoàn.

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tổng Liên đoàn là cơ quan tham mưu, đề xuất cho Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu Hội đồng gồm:

2.1. Chủ tịch Hội đồng là đồng chí Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2.2. Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực Tổng Liên đoàn làm Phó Chủ tịch thứ Nhất Hội đồng và đồng chí Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn phụ trách công tác Thi đua khen thưởng làm Phó chủ tịch Hội đồng;

2.3. Các thành viên Hội đồng gồm các đồng chí Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn, Trưởng Ban Chính sách Kinh tế xã hội và Thi đua khen thưởng, Trưởng Ban Tài chính, Trưởng Ban Tổ chức, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Chánh Văn phòng Tổng Liên đoàn và đồng chí Phó trưởng Ban Chính sách Kinh tế xã hội và Thi đua khen thưởng làm ủy viên, thư ký Hội đồng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tổng Liên đoàn có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

3.1. Tham mưu, đề xuất cho Đoàn Chủ tịch phát động các phong trào thi đua trong CNVCLĐ;

3.2. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn;

3.3. Tham mưu cho Đoàn Chủ tịch kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong CNVCLĐ và tổ chức Công đoàn;

3.4. Tham mưu cho Đoàn Chủ tịch quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Hoạt động của Hội đồng, thực hiện theo Quy chế Hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 29. Hội đồng Thi đua- Khen thưởng Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn là cơ quan tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn về công tác thi đua khen thưởng.

2. Cơ cấu Hội đồng, gồm:

2.1. Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn. Trường hợp đồng chí Chủ tịch Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn Ngành

Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn không thể tham gia làm Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thì uỷ quyền cho một đồng chí Phó Chủ tịch làm Chủ tịch Hội đồng.

2.2. Phó Chủ tịch Hội đồng là đồng chí Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn phụ trách công tác thi đua khen thưởng;

2.3. Thành viên Hội đồng gồm có đồng chí Trưởng Ban theo dõi công tác thi đua, khen thưởng; các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định. Số thành viên tối đa không quá 11 người.

Giao cho Ban theo dõi công tác thi đua, khen thưởng của Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn làm Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

3.1. Tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ phát động các phong trào thi đua trong CNVCLĐ của ngành, địa phương;

3.2. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong CNVCLĐ của ngành, địa phương theo từng năm và từng giai đoạn;

3.3. Tham mưu cho Ban Thường vụ kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong CNVCLĐ và của Công đoàn ngành, địa phương;

3.4. Tham mưu cho Ban Thường vụ quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương VI

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

THỦ TỤC, THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

Điều 30. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau:

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn”;
2. Danh hiệu “Cờ thi đua Tổng Liên đoàn”;
3. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn”;
4. Bằng khen Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn;

5. Bằng Lao động sáng tạo;

6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các ban, đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn;

7. Giải thưởng “Nguyễn Đức Cảnh”.

Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn uỷ quyền cho Ban Thường vụ các Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn ký quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho các tập thể đơn vị trực thuộc và báo cáo kết quả về Tổng Liên đoàn.

Điều 31. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương quyết định khen thưởng:

1. Danh hiệu “Cờ thi đua Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương”.

2. Bằng khen Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương.

3. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể, cá nhân ở cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn Ngành Trung ương; Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh và tương đương; Tập thể lao động tiên tiến” cho các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp Công đoàn thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn Ngành Trung ương quản lý trực tiếp;

4. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các ban, đơn vị trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương theo uỷ quyền của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 32. Ban Thường vụ Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn quyết định tặng thưởng:

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” và Giấy khen .

2. Quyết định tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các ban thuộc Cơ quan Công đoàn Tổng công ty theo uỷ quyền của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 33. Thủ trưởng Cơ quan Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định khen thưởng:

Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến” danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” cho cá nhân, tập thể thuộc Cơ quan Tổng Liên đoàn;

Điều 34. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, giám đốc các doanh nghiệp Công đoàn quyết định khen thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen.

Điều 35. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định khen thưởng danh hiệu “ Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc” và Giấy khen.

Điều 36. Ban chấp hành Công đoàn cơ sở quyết định khen thưởng danh hiệu “Đoàn viên Công đoàn xuất sắc”, “Tổ Công đoàn xuất sắc” và giấy khen.

Điều 37. Những trường hợp khen thưởng ngoài quy định tại Quy chế này sẽ do Thường trực Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

Mục 2

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VÀ NHÀ NƯỚC

Điều 38. Đối tượng, tuyến trình khen thưởng Nhà nước cho tập thể, cá nhân thuộc tổ chức Công đoàn

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các đối tượng sau:

Các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc tổ chức Công đoàn; Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công đoàn ngành Trung ương; Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn và cán bộ Công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách Công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương xem xét đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành trung ương khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn Viên chức cấp tỉnh, Công đoàn Khu Công nghiệp, Khu chế xuất, Công đoàn Tổng công ty và tương đương, Công đoàn cơ sở và cán bộ Công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách Công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan chuyên môn đồng cấp với Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh; Công đoàn Khu Công nghiệp, Khu chế xuất, Công đoàn Tổng công ty và tương đương, Công đoàn cơ sở.

Điều 39. Hồ sơ đề nghị Tổng Liên đoàn khen thưởng và đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng

Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng lập riêng; Hồ sơ đề nghị Tổng Liên đoàn khen thưởng lập riêng theo từng loại hình khen thưởng (không trình chung) như: Khen thưởng thành tích thi đua thường xuyên (ví dụ: Cờ thi đua và Bằng khen toàn diện...); Khen thưởng thành tích thi đua chuyên đề, thi đua đột xuất (ví dụ cờ thi đua và bằng khen chuyên đề; Bằng Lao động sáng tạo; Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn...).

Khi trình Tổng Liên đoàn khen thưởng và đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng bằng văn bản, đồng thời gửi các file điện tử của hồ

sơ trình (tờ trình, biên bản, báo cáo thành tích, tóm tắt thành tích, danh sách đề nghị khen thưởng...) về Tổng Liên đoàn theo địa chỉ: thiduatld@gmail.com

1. Hồ sơ đề nghị Tổng Liên đoàn tặng Cờ thi đua và Bằng khen gồm có:

1.1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

1.2. Tóm tắt thành tích tập thể, cá nhân đề nghị tặng Cờ thi đua và Bằng khen;

1.3. Báo cáo thành tích của đơn vị đề nghị tặng cờ;

1.4. Biên bản họp và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương.

2. Hồ sơ đề nghị chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn gồm có:

2.1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

2.2. Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Tổng Liên đoàn”, trong báo cáo phải nêu rõ nội dung hiệu quả, mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được ứng dụng vào thực tế.

2.3. Biên bản họp và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên đoàn Lao động cấp tỉnh; Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

2.4. Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền công nhận sáng kiến, đề tài khoa học và nhận xét, đánh giá hiệu quả, mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học đã được ứng dụng trong thực tế.

3. Hồ sơ đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo gồm có:

3.1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn;

3.2. Danh sách trích ngang tóm tắt các giải pháp, sáng kiến của cá nhân được đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo;

3.3. Báo cáo thành tích của cá nhân;

3.4. Văn bản công nhận giải pháp, sáng kiến gồm:

- Giấy chứng nhận sáng kiến hoặc quyết định công nhận sáng kiến của cấp có thẩm quyền; hoặc biên bản nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học của cấp có thẩm quyền kèm theo quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu; hoặc Bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Văn bản của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi triển khai ứng dụng giải pháp, sáng kiến vào thực tế xác nhận về hiệu quả kinh tế hoặc hiệu quả xã hội của giải pháp đã được áp dụng vào thực tế;

3.5. Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình khen thưởng.

4. Hồ sơ đề nghị tặng kỷ niệm chương” Vì sự nghiệp xây dựng của tổ chức Công đoàn”, Ban Tổ chức Tổng Liên đoàn hướng dẫn thực hiện.

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng Cờ, Bằng khen chuyên đề do các ban nghiệp vụ theo dõi chuyên đề hướng dẫn thực hiện.

Điều 40. Hồ sơ đề nghị Tổng Liên đoàn xét trình khen thưởng cấp nhà nước

1. Hồ sơ đề nghị xét phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” gửi về Tổng Liên đoàn 3 bộ và mỗi bộ gồm có:

1.1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn (kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng);

1.2. Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị xét phong tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”;

1.3. Báo cáo tóm tắt nêu rõ về nội dung đề tài, sáng kiến, giải pháp đem lại hiệu quả thiết thực;

1.4. Chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc ý kiến (bằng văn bản) xác nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh, bộ, ngành, đoàn thể trung ương đối với đề tài, sáng kiến, giải pháp đem lại hiệu quả thiết thực;

1.5. Biên bản cuộc họp bình xét và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” gửi về Tổng Liên đoàn 03 bộ và mỗi bộ gồm có:

2.1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn (kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng);

2.2. Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”;

2.3. Tóm tắt thành tích của tập thể đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, có xác nhận của cấp trình Tổng Liên đoàn;

2.4. Biên bản họp xét và kết quả bỏ phiếu kín của cụm, khối thi đua Tổng Liên đoàn;

2.5. Xác nhận của địa phương về thực hiện pháp luật, chủ trương, chính sách của Nhà nước tại địa phương.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng Huân chương gửi về Tổng Liên đoàn 04 bộ và mỗi bộ gồm có:

3.1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn (kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng);

3.2. Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

3.3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

3.4. Biên bản cuộc họp và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” gửi về Tổng Liên đoàn 03 bộ và mỗi bộ gồm có:

4.1. Tờ trình của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn (kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng);

4.2. Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

4.3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

4.4. Biên bản và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

Mục 3

THỜI HẠN TRÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 41. Thời hạn trình Tổng Liên đoàn xét khen thưởng

Thời hạn trình khen thưởng Cờ thi đua, Bằng khen Tổng Liên đoàn thực hiện như sau:

- Hồ sơ đề nghị khen toàn diện và chuyên đề (tổng kết năm) gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo năm học gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 31 tháng 10 hàng năm;

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng Bằng Lao động sáng tạo gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 31/7 hàng năm.

Điều 42. Thời hạn trình Tổng Liên đoàn xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

Hồ sơ trình đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, Chiến sỹ thi đua toàn quốc gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 30/4 hàng năm.

Hồ sơ trình đề nghị khen thưởng “Cờ Thi đua của Chính phủ” gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 31/3 hàng năm.

Hồ sơ trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo năm học gửi về Tổng Liên đoàn trước ngày 30/9 hàng năm.

Chương VII

QUỸ THI KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 43. Nguồn hình thành Quỹ Khen thưởng gồm:

- Trích từ ngân sách của Công đoàn theo quy định của Đoàn chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Từ nguồn tài trợ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân;
- Các khoản hỗ trợ của cơ quan quản lý, chính quyền các cấp.

Điều 44. Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Cách tính mức tiền thưởng.

1.1. Mức tiền thưởng cho tập thể, cá nhân kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trong hệ thống Công đoàn được tính như sau:

Mức tiền lương cơ sở chung do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định khen thưởng nhân với hệ số theo quy định và được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam;

1.2. Hệ số mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được quy định cụ thể trong bảng phụ lục kèm theo.

2. Cấp chi tiền thưởng.

Tiền thưởng kèm theo quyết định khen thưởng của Nhà nước và của Tổng Liên đoàn do cấp đề nghị khen thưởng chi.

Tổng Liên đoàn chi tiền thưởng kèm theo Bằng lao động sáng tạo, Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh và tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân được khen thưởng tại hội nghị tổng kết do Tổng Liên đoàn tổ chức.

Công đoàn Ngành Trung ương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn khi quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố thì có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân nêu trên.

3. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

3.1. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

3.2. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì nhận mức tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

3.3. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Điều 45. Ban Chính sách kinh tế xã hội và Thi đua khen thưởng tham mưu cho Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn tổ chức hoạt động cụm khối thi đua của Tổng Liên đoàn; quy định mẫu và kích thước cờ, bằng khen, giấy khen của Công đoàn; các biểu mẫu hồ sơ đề nghị khen thưởng để hướng dẫn các cấp Công đoàn thực hiện.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Thu hồi và huỷ bỏ các hình thức khen thưởng

Cá nhân, tập thể kê khai thành tích không đúng mà được khen thưởng sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ quyết định hình thức khen thưởng.

Cấp nào quyết định khen thưởng thì cấp đó quyết định thu hồi, huỷ bỏ hình thức khen thưởng.

Điều 47. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế Khen thưởng của tổ chức Công đoàn ban hành kèm theo Quyết định số 777/QĐ/TLĐ ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

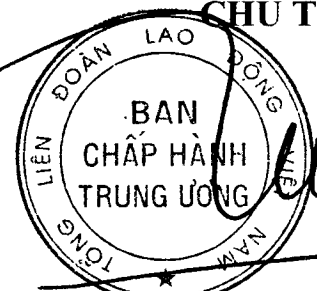
2. Bãi bỏ những quy định trước đây trái với Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Công đoàn các cấp phản ánh kịp thời về Tổng Liên đoàn để xem xét giải quyết. /

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Các đ/c Ủy viên ĐCT- TLĐ;
- LĐLĐ tỉnh, TP; CĐ ngành TW;
- CĐ TCTy trực thuộc TLĐ;
- Các ban, đơn vị trực thuộc TLĐ;
- Ban Thi đua KT TW;
- Lưu VT TLĐ.


Đặng Ngọc Tùng

Phụ lục: I

HỆ SỐ MỨC TIỀN THƯỞNG KÈM THEO DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Quy chế Khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định Số 1564/QĐ- TLĐ ngày 24/12 /2014)

	<i>Danh hiệu thi đua</i>	<i>Hệ số Mức tiền thưởng</i>
	Chiến sĩ thi đua toàn quốc	4,5
	Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn	3,0
	Chiến sĩ thi đua cơ sở	1,0
	Tập thể lao động xuất sắc	1,5
	Tập thể Lao động tiên tiến	0,8
	Lao động tiên tiến	0,3
	Cờ thi đua của Chính phủ	24,5
	Cờ thi đua TLĐ: + Toàn diện	15,5
	+ Chuyên đề	10,0
	Cờ thi đua LĐLĐ tỉnh; CĐ ngành TW:	
	Cờ toàn diện:	9,0
	Cờ chuyên đề:	6,0
	HC Sao vàng: - Cá nhân	46,0
	- Tập thể	92,0
	HC Hồ Chí Minh: - Cá nhân	30,5
	- Tập thể	61,0
	HC Độc lập hạng Nhất: - Cá nhân	15,0
	- Tập thể	30,0
	HC Độc lập hạng Nhì: - Cá nhân	12,5
	- Tập thể	25,0
	HC Độc lập hạng Ba: - Cá nhân	10,5
	- Tập thể	21,0
	HC Lao động hạng Nhất: - Cá nhân	9,0
	- Tập thể	18,0
	HC Lao động hạng Nhì: - Cá nhân	7,5
	- Tập thể	15,0

	HC Lao động hạng Ba: - Cá nhân	4,5
	- Tập thể	9,0
	BK của Thủ tướng Chính phủ: - Cá nhân	2,5
	- Tập thể	5,0
	Bảng khen TLĐ:	
	+ Bảng khen toàn diện: - Cá nhân	1,0
	- Tập thể	2,0
	+ Bảng khen Chuyên đề: - Cá nhân	0,7
	- Tập thể	1,4
	Bảng Lao động sáng tạo	1,3
	Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn".	0,6
	Bảng khen LĐLĐ tỉnh, TP; CĐ ngành TW:	
	+ Bảng khen Toàn diện: - Tập thể.	1,0
	- Cá nhân.	0,5
	+ Bảng khen Chuyên đề: - Tập thể	0,8
	- Cá nhân	0,4
	Giấy khen của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và CDCS: - Cá nhân	0,2
	- Tập thể	0,4